

Số: 04 /2020/QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 06 tháng 3 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp kiểm tra và xử lý sau kiểm tra
các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;
Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;
Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;
Căn cứ Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;
Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;
Căn cứ Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều về thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuê mặt nước;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 14/TTr-SKHĐT ngày 28/02/2020.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp kiểm tra và xử lý sau kiểm tra các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 16 tháng 3 năm 2020.

Điều 3. Giám đốc các sở, Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: KHĐT, TC;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL – Bộ Tư pháp;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh:
 - + LĐVP, TH, TN, XD;
 - + Trung tâm thông tin;
 - + Lưu: VT, ĐT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Đương Văn Thái

QUY CHẾ

**Phối hợp kiểm tra và xử lý sau kiểm tra các dự án đầu tư
trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 04 /2020/QĐ-UBND
ngày 06 tháng 3 năm 2020 của UBND tỉnh Bắc Giang)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quy chế này quy định về nguyên tắc, phương thức, nội dung phối hợp và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc kiểm tra và xử lý sau kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật trong lĩnh vực đầu tư, đất đai, xây dựng, môi trường và nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước của các dự án đầu tư được chấp thuận đầu tư, cấp Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, quyết định chủ trương đầu tư, quyết định lựa chọn chủ đầu tư (sau đây gọi chung là văn bản chấp thuận đầu tư); các dự án điều chỉnh mục tiêu đầu tư, xin chuyển mục đích sử dụng đất, chuyển nhượng tài sản, chuyển nhượng dự án (gọi chung là điều chỉnh nội dung đầu tư);

b) Quy chế này không áp dụng đối với:

Các dự án thực hiện theo Luật Đầu tư công;

Các dự án đầu tư theo hình thức hợp tác đối tác công tư (PPP);

Các dự án do UBND cấp huyện giao đất, cho thuê đất nhưng không có văn bản chấp thuận đầu tư của UBND tỉnh;

Các dự án do Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư;

Các dự án khu đô thị, dự án phát triển nhà ở.

c) Những nội dung khác không quy định trong quy chế này thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Đối tượng áp dụng

Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các huyện, thành phố (sau đây gọi chung là UBND cấp huyện), nhà đầu tư/chủ đầu tư (sau đây gọi chung là nhà đầu tư) và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc kiểm tra, xử lý sau kiểm tra các dự án đầu tư được chấp thuận đầu tư trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Điều 2. Nguyên tắc phối hợp

1. Cơ quan chủ trì và cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm phối hợp kiểm tra và xử lý sau kiểm tra các dự án đầu tư khách quan, chính xác, kịp thời, hiệu quả theo quy định tại quy chế này và quy định của pháp luật để đảm bảo quyền lợi của nhà đầu tư và đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đầu tư, đất đai, xây dựng, môi trường, nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước và các quy định liên quan khác.

2. Ý kiến của các thành viên tham gia Tổ công tác (quy định tại Điều 6 của quy chế này) là ý kiến chính thức của các sở, ngành, địa phương tham gia kiểm tra dự án.

Điều 3. Phương thức phối hợp

1. Phương thức phối hợp của Tổ công tác được quy định chi tiết tại quy chế làm việc của Tổ công tác do Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

2. Phương thức phối hợp của các sở, ngành, địa phương thông qua việc tổ chức các hội nghị làm việc hoặc xin ý kiến bằng văn bản.

Điều 4. Nội dung phối hợp

1. Phối hợp trong công tác chuẩn bị kiểm tra và triển khai kế hoạch kiểm tra các dự án.

2. Phối hợp xử lý các dự án sau khi có kết quả kiểm tra và ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh.

Chương II

CÔNG TÁC CHUẨN BỊ KIỂM TRA VÀ TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH KIỂM TRA CÁC DỰ ÁN

Mục 1

CÔNG TÁC CHUẨN BỊ KIỂM TRA

Điều 5. Rà soát, lập danh mục các dự án cần kiểm tra

1. Rà soát, lập danh mục các dự án cần kiểm tra định kỳ hằng năm

a) Trước ngày 31/10 hằng năm, các cơ quan, đơn vị lập danh mục các dự án cần kiểm tra (theo Mẫu M1), trong đó tập trung vào các dự án có dấu hiệu chậm tiến độ, không sử dụng đất hoặc chậm đưa đất vào sử dụng và các dự án có dấu hiệu vi phạm các quy định của pháp luật có liên quan gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư. Cụ thể như sau:

Sở Tài nguyên và Môi trường lập danh mục các dự án đầu tư đã được giao đất, cho thuê đất theo chức năng quản lý của ngành;

Sở Công Thương lập danh mục các dự án đầu tư, kinh doanh hạ tầng các cụm công nghiệp;

Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh lập danh mục các dự án đầu tư trong các khu công nghiệp được chấp thuận đầu tư;

Cục Thuế tỉnh lập danh mục các dự án đầu tư không thực hiện hoặc thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước chưa đầy đủ, quá thời hạn và các dự án khác cần kiểm tra;

UBND cấp huyện lập danh mục các dự án được UBND tỉnh chấp thuận đầu tư đã được chấp thuận đầu tư trên địa bàn;

b) Trên cơ sở danh mục các dự án đầu tư do các sở, ngành, UBND cấp huyện đề xuất, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp danh mục các dự án cần kiểm tra, gửi Thanh tra tỉnh trước ngày 30/11 hằng năm;

c) Thanh tra tỉnh tổng hợp danh sách các dự án cần kiểm tra trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt trước ngày 31/12 hằng năm, làm căn cứ xây dựng kế hoạch kiểm tra, nhằm đảm bảo không có sự trùng lặp các đoàn kiểm tra đối với một dự án.

2. Ngoài các dự án do các sở, ngành, UBND cấp huyện đề xuất kiểm tra định kỳ hằng năm nêu tại Khoản 1 Điều này, các cơ quan, đơn vị có thể đề xuất bổ sung các dự án có dấu hiệu vi phạm cần kiểm tra, xử lý, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư đề tổng hợp gửi Thanh tra tỉnh trình Chủ tịch UBND tỉnh bổ sung danh mục kiểm tra.

3. Đối với các dự án đầu tư nằm trong danh mục dự án kiểm tra hằng năm (đã được phê duyệt) nhưng chưa đến thời điểm kiểm tra hoặc đối với các dự án đầu tư (bên ngoài khu công nghiệp) chưa nằm trong danh mục dự án kiểm tra hằng năm (đã được phê duyệt) nhưng nhà đầu tư nộp hồ sơ đề nghị giãn tiến độ, điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án, điều chỉnh nội dung đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan có liên quan tổ chức kiểm tra, xử lý theo quy định tại Điều 7, Điều 8, Chương II và Chương III của quy chế này.

Điều 6. Thành lập Tổ công tác

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh thành lập Tổ công tác bao gồm thành viên thường trực là lãnh đạo và chuyên viên của các Sở: Kế hoạch và Đầu tư (Tổ trưởng), Tài nguyên và Môi trường (Tổ phó), Xây dựng và Cục Thuế tỉnh. Các thành viên không thường trực thuộc các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố (tham gia theo từng dự án) giao cho Tổ trưởng Tổ công tác có văn bản mời.

2. Tổ công tác có nhiệm vụ rà soát, kiểm tra các dự án và đề xuất xử lý các dự án sau kiểm tra theo quy định của quy chế này.

Điều 7. Xây dựng và ban hành kế hoạch kiểm tra

1. Xây dựng và ban hành kế hoạch kiểm tra tổng thể cả năm:

a) Căn cứ vào danh mục các dự án cần kiểm tra đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì xây dựng và ban hành kế hoạch tổng thể kiểm tra cả năm làm cơ sở thực hiện;

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi kế hoạch kiểm tra tổng thể cả năm tới nhà đầu tư và các cơ quan liên quan để phối hợp theo dõi, thực hiện.

2. Xây dựng và ban hành kế hoạch kiểm tra đối với từng dự án đầu tư:

a) Trên cơ sở kế hoạch tổng thể cả năm đã được ban hành, Tổ công tác xây dựng và ban hành kế hoạch kiểm tra đối với từng dự án;

b) Kế hoạch kiểm tra đối với từng dự án đầu tư bao gồm các nội dung chủ yếu sau: Mục đích, yêu cầu kiểm tra; đối tượng kiểm tra; nội dung kiểm tra; thời gian và địa điểm kiểm tra; phương pháp kiểm tra; phân công trách nhiệm cụ thể cho các thành viên Tổ công tác; thời hạn kiểm tra, thời hạn lập báo cáo kết quả kiểm tra; kinh phí tổ chức kiểm tra (nếu có).

Điều 8. Các công tác chuẩn bị khác

1. Tổ công tác xây dựng Đề cương báo cáo của nhà đầu tư; xây dựng danh mục hồ sơ, tài liệu, thông tin cần thu thập; dự thảo biên bản kiểm tra.

2. Trước khi tiến hành kiểm tra thực địa dự án tối thiểu 10 ngày làm việc, Tổ công tác gửi kế hoạch kiểm tra đến nhà đầu tư, kèm theo Quyết định thành lập Tổ công tác, đề cương báo cáo; danh mục cung cấp hồ sơ, tài liệu của dự án (gửi cùng với Kế hoạch kiểm tra từng dự án).

3. Nhà đầu tư có trách nhiệm xây dựng báo cáo (theo đề cương), cung cấp các hồ sơ, tài liệu theo yêu cầu gửi cho Tổ công tác trước khi tiến hành kiểm tra thực địa tối thiểu 05 ngày làm việc.

Mục 2

TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH KIỂM TRA

Điều 9. Kiểm tra dự án đầu tư

1. Nghiên cứu hồ sơ.

Trên cơ sở hồ sơ do nhà đầu tư cung cấp, Tổ công tác nghiên cứu xem xét việc chấp hành pháp luật về đầu tư, đất đai, xây dựng, môi trường và nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước của nhà đầu tư trong quá trình thực hiện dự án trước khi tổ chức kiểm tra thực địa dự án đầu tư.

2. Kiểm tra thực địa dự án đầu tư.

a) Tổ công tác công bố quyết định thành lập Tổ công tác và thông qua kế hoạch kiểm tra với nhà đầu tư;

b) Tổ công tác tiến hành kiểm tra dự án tại thực địa. Nội dung kiểm tra bao gồm: Việc chấp hành pháp luật trong lĩnh vực đầu tư, đất đai, xây dựng, môi trường và việc thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước của nhà đầu tư;

c) Sau khi tiến hành kiểm tra thực địa dự án, Tổ công tác lập Biên bản kiểm tra làm cơ sở cho việc lập báo cáo kết quả kiểm tra;

Trong quá trình kiểm tra, khi Tổ công tác phát hiện các vi phạm của nhà đầu tư, Tổ công tác theo thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính và có văn bản đề nghị người có thẩm quyền xem xét, xử phạt vi phạm của nhà đầu tư theo thẩm quyền;

d) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư vắng mặt thì phải có giấy ủy quyền. Nội dung ủy quyền phải ghi rõ để giải quyết các công việc liên quan đến việc kiểm tra dự án;

đ) Trường hợp nhà đầu tư không phối hợp làm việc, Tổ công tác lập biên bản, trong đó nêu rõ nội dung nhà đầu tư vắng mặt không có lý do.

3. Trường hợp Tổ công tác lập biên bản xác định dự án không đưa đất vào sử dụng hoặc chậm tiến độ sử dụng đất thì trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tổ công tác lập biên bản, nhà đầu tư (nếu có nhu cầu gia hạn sử dụng đất) nộp hồ sơ đề nghị cơ quan có thẩm quyền cho phép gia hạn sử dụng đất theo quy định.

Điều 10. Lập báo cáo kết quả kiểm tra

1. Trong thời hạn 10 ngày làm việc sau khi kết thúc kiểm tra thực địa dự án, Tổ công tác tổ chức hội nghị đề thống nhất các nội dung kết luận kiểm tra. Các nội dung thống nhất phải được lập thành biên bản và được các thành viên Tổ công tác ký tên.

2. Trong thời hạn 16 ngày làm việc sau khi kết thúc kiểm tra thực địa dự án, trên cơ sở ý kiến thống nhất của Tổ công tác, Tổ trưởng Tổ công tác hoàn thiện báo cáo kết quả kiểm tra, thông qua nhà đầu tư và báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh.

3. Báo cáo kết quả kiểm tra bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Công tác tổ chức, triển khai thực hiện;

b) Kết quả kiểm tra, trong đó kết quả kiểm tra của từng dự án phải làm rõ các nội dung chủ yếu sau:

Các thủ tục pháp lý để triển khai thực hiện của dự án và quá trình thực hiện dự án;

Thực trạng dự án tại thời điểm kiểm tra (Tiến độ thực hiện dự án, hạng mục công trình đã xây dựng, diện tích đất đã đưa vào sử dụng trên thực địa đến thời điểm kiểm tra (nếu có); việc thực hiện các mục tiêu của dự án);

Việc chấp hành các quy định của pháp luật trong các lĩnh vực đầu tư, đất đai, xây dựng, môi trường và nghĩa vụ tài chính của nhà đầu tư với nhà nước;

Nhận xét, kết luận;

c) Kiến nghị, đề xuất: Kiến nghị xử lý, khắc phục các vấn đề tồn tại, hạn chế, vi phạm và các nội dung khác liên quan. Đối với trường hợp cho phép giãn tiến độ, điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án, gia hạn sử dụng đất thì phải nêu rõ thời gian đề nghị cho phép giãn, điều chỉnh tiến độ của dự án, mốc thời gian cho giãn, điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án, thời gian gia hạn sử dụng đất.

4. Căn cứ báo cáo, kiến nghị của Tổ công tác, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành văn bản chỉ đạo các cơ quan, đơn vị về các vấn đề có liên quan.

Chương III **XỬ LÝ CÁC DỰ ÁN SAU KIỂM TRA**

Mục 1

XỬ LÝ CÁC DỰ ÁN ĐƯỢC PHÉP ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG ĐẦU TƯ, GIẢM TIỀN ĐỘ, ĐIỀU CHỈNH TIỀN ĐỘ THỰC HIỆN DỰ ÁN VÀ GIA HẠN SỬ DỤNG ĐẤT

Điều 11. Gia hạn sử dụng đất, thu khoản tiền bổ sung

1. Căn cứ ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại khoản 4 Điều 10 Quy chế này và hồ sơ đề nghị gia hạn sử dụng đất của nhà đầu tư: Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường (đối với trường hợp người sử dụng đất là tổ chức) chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trình UBND tỉnh ra quyết định cho phép nhà đầu tư gia hạn sử dụng đất; phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện (đối với trường hợp người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân) chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trình UBND cấp huyện ra quyết định cho phép nhà đầu tư gia hạn sử dụng đất theo quy định.

2. Căn cứ quyết định của cơ quan có thẩm quyền cho phép nhà đầu tư gia hạn sử dụng đất: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định gia hạn sử dụng đất của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan thuế xác định, thông báo cho nhà đầu tư khoản tiền nộp bổ sung trong thời gian được gia hạn sử dụng đất và gửi thông báo cho các sở, ngành, UBND cấp huyện (nơi có dự án đầu tư) về kết quả thực hiện nghĩa vụ tài chính của nhà đầu tư.

Điều 12. Giảm tiền độ, điều chỉnh tiền độ thực hiện dự án

Căn cứ quyết định của cơ quan có thẩm quyền cho phép nhà đầu tư gia hạn sử dụng đất và hồ sơ đề nghị giảm tiền độ, điều chỉnh tiền độ thực hiện dự án của nhà đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư. Các sở, ngành thực hiện:

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư ra quyết định cho phép giảm tiền độ, điều chỉnh tiền độ thực hiện dự án, điều chỉnh nội dung đầu tư hoặc đề nghị UBND tỉnh điều chỉnh tiền độ thực hiện dự án đối với các dự án đầu tư bên ngoài khu công nghiệp.

2. Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh ra quyết định cho phép giảm tiền độ, điều chỉnh tiền độ thực hiện dự án đối với các dự án đầu tư trong các khu công nghiệp.

3. Đối với các trường hợp phải nộp khoản tiền bổ sung do chậm đưa đất vào sử dụng, chỉ đồng ý chấp thuận giảm tiền độ, điều chỉnh tiền độ thực hiện dự án sau khi nhà đầu tư đã nộp khoản tiền bổ sung tương ứng với thời gian được gia hạn sử dụng đất theo quy định vào ngân sách Nhà nước.

Điều 13. Chấp thuận hoặc không chấp thuận điều chỉnh nội dung đầu tư

Căn cứ ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh theo quy định tại khoản 4 Điều 10 Quy chế này và hồ sơ đề nghị của nhà đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban

Quản lý các khu công nghiệp tỉnh cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho các nhà đầu tư hoặc báo cáo UBND tỉnh quyết định điều chỉnh nội dung đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư. Trường hợp không chấp thuận điều chỉnh nội dung đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh có văn bản trả lời nhà đầu tư và nêu rõ lý do.

Điều 14. Xử lý tiền ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư

Căn cứ kết quả kiểm tra của Tổ công tác và ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét xử lý tiền ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư.

Mục 2

XỬ LÝ CÁC DỰ ÁN KHÔNG CHO PHÉP GIÃN TIẾN ĐỘ, ĐIỀU CHỈNH TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN DỰ ÁN VÀ GIA HẠN SỬ DỤNG ĐẤT, ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG ĐẦU TƯ

Điều 15. Chấm dứt hoạt động dự án, thu hồi văn bản chấp thuận đầu tư và các văn bản pháp lý có liên quan (khi dự án không được giãn tiến độ, điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án và gia hạn sử dụng đất)

Căn cứ văn bản chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh:

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư hoàn thiện thủ tục chấm dứt hoạt động của dự án, thu hồi văn bản chấp thuận đầu tư theo quy định đối với các dự án đầu tư bên ngoài các khu công nghiệp.

2. Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh hoàn thiện thủ tục chấm dứt hoạt động dự án, thu hồi văn bản chấp thuận đầu tư theo quy định đối với các dự án đầu tư trong các khu công nghiệp.

Điều 16. Thu hồi đất, thu khoản tiền bổ sung, xử lý tài sản trên đất (khi dự án không được giãn tiến độ, điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án và gia hạn sử dụng đất)

1. Căn cứ văn bản chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh theo quy định tại khoản 4 Điều 10 Quy chế này, Sở Tài nguyên và Môi trường (đối với trường hợp người sử dụng đất là tổ chức) hoặc Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện (đối với trường hợp người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân) trình cơ quan có thẩm quyền thu hồi đất theo quy định của Luật Đất đai, đồng thời tham mưu xử lý tài sản trên đất (nếu có) theo quy định của pháp luật.

2. Căn cứ Quyết định thu hồi đất nêu tại khoản 1 Điều này, cơ quan thuế (Cục Thuế đối với trường hợp người sử dụng đất là tổ chức hoặc Chi cục Thuế đối với trường hợp người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân) chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xác định và thông báo cho nhà đầu tư khoản tiền nhà đầu tư phải nộp bổ sung trong thời gian không sử dụng đất hoặc chậm tiến độ sử dụng đất (được tính từ thời điểm được Nhà nước cho thuê đất đến thời điểm Nhà nước có quyết định thu hồi

đất sau khi trừ đi thời gian tương ứng với thời gian xây dựng cơ bản được miễn) để thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước theo quy định.

3. Việc xử lý tài sản gắn liền với đất do nhà đầu tư đã thực hiện sau khi thu hồi đất được thực hiện theo quy định của Luật Đất đai và các quy định của pháp luật hiện hành.

Chương IV **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 17. Trách nhiệm của các cơ quan nhà nước

1. Văn phòng UBND tỉnh:

a) Xem xét, trình Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo xử lý các vấn đề có liên quan theo đề nghị của Tổ công tác.

b) Đôn đốc các cơ quan, đơn vị thực hiện nghiêm túc các nhiệm vụ được giao theo chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Cử thành viên tham gia với tư cách là Tổ trưởng Tổ công tác do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thành lập; xây dựng quy chế hoạt động của Tổ công tác trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt;

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổng hợp danh mục các dự án đề nghị kiểm tra do các sở, ngành, UBND cấp huyện đề xuất gửi Thanh tra tỉnh để thẩm định;

c) Quyết định giãn tiến độ, điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án, cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh theo thẩm quyền hoặc đề nghị UBND tỉnh điều chỉnh nội dung đầu tư; điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án theo quy định của Luật Đầu tư;

d) Quyết định chấm dứt hoạt động dự án, thu hồi Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, văn bản chấp thuận đầu tư đối với các dự án vi phạm theo quy định của Luật Đầu tư; đề nghị UBND tỉnh có văn bản không chấp thuận điều chỉnh nội dung đầu tư;

đ) Xử lý tiền ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư;

e) Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thực hiện quy chế này.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Cử thành viên tham gia với tư cách là Tổ phó Tổ công tác do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thành lập;

b) Đề xuất danh mục các dự án đã được giao đất, cho thuê đất cần kiểm tra gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư theo quy chế này;

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xác định thời điểm đưa đất vào sử dụng, thời gian gia hạn sử dụng đất trình UBND tỉnh quyết định gia hạn sử dụng đất đối với các trường hợp đủ điều kiện gia hạn sử dụng đất để chuyển cơ quan thuế làm cơ sở xác định khoản tiền phải nộp bổ sung theo quy định;

d) Tham mưu UBND tỉnh quyết định thu hồi đất, hướng dẫn nhà đầu tư chuyển quyền sử dụng đất, bán tài sản hợp pháp gắn liền với đất cho nhà đầu tư khác theo quy định của pháp luật.

4. Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh:

a) Cử thành viên tham gia Tổ Công tác theo quy chế này;

b) Lập danh mục các dự án đề nghị kiểm tra gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư đối với các dự án đầu tư trong các khu công nghiệp theo quy chế này;

c) Quyết định chấm dứt hoạt động dự án, thu hồi văn bản chấp thuận đầu tư đối với các dự án vi phạm (đối với các dự án trong khu công nghiệp) theo quy định của Luật Đầu tư; điều chỉnh nội dung đầu tư hoặc có văn bản không chấp thuận điều chỉnh nội dung đầu tư.

5. Sở Xây dựng:

a) Cử thành viên tham gia Tổ công tác theo quy chế này;

b) Xử lý hoặc kiến nghị xử lý đối với các trường hợp vi phạm theo quy định tại quy chế này và pháp luật liên quan;

6. Cục Thuế tỉnh:

a) Cử thành viên tham gia Tổ công tác theo quy chế này;

b) Lập danh mục các dự án đầu tư không thực hiện hoặc thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước chưa đầy đủ, quá thời hạn và các dự án khác cần kiểm tra;

c) Xác định, thông báo cho nhà đầu tư nộp khoản tiền bổ sung trong thời gian được gia hạn sử dụng đất (đối với trường hợp được gia hạn sử dụng đất) hoặc trong thời gian không sử dụng đất hoặc chậm tiến độ sử dụng đất (đối với trường hợp không được gia hạn sử dụng đất) theo quy chế này và quy định của pháp luật. Trường hợp nhà đầu tư không chấp hành nộp hoặc nộp không đầy đủ các khoản nghĩa vụ tài chính đã thông báo thì thực hiện các biện pháp cưỡng chế theo quy định của pháp luật, nếu nhà đầu tư không chấp hành thì lập đầy đủ các hồ sơ để chuyển cho Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu UBND tỉnh xem xét, thu hồi đất đúng quy định;

đ) Chỉ đạo các Chi cục thuế xác định, thông báo cho nhà đầu tư (đối với trường hợp người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân) nộp khoản tiền bổ sung theo quy chế này và quy định của pháp luật.

7. Thanh tra tỉnh:

a) Thẩm định danh mục các dự án đầu tư cần kiểm tra trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt đảm bảo tránh sự trùng lặp nhiều đoàn kiểm tra đối với một dự án;

b) Trong quá trình kiểm tra, thanh tra, nếu phát hiện nhà đầu tư đã được Nhà nước giao đất, cho thuê đất nhưng không đưa đất vào sử dụng hoặc chậm tiến độ sử

dụng đất thì có văn bản đề nghị UBND tỉnh giao Cục Thuế tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường để xác định, thông báo cho nhà đầu tư nộp khoản tiền bổ sung vào ngân sách Nhà nước theo quy định.

8. Công an tỉnh:

Chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan trong việc đảm bảo công tác an ninh, an toàn quá trình cưỡng chế thu hồi đất các dự án chậm tiến độ, chậm đưa đất vào sử dụng hoặc không đưa đất vào sử dụng.

9. Các sở, ban, ngành có liên quan khác:

a) Cử thành viên tham gia Tổ công tác theo quy chế này (theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư);

b) Căn cứ quy định của pháp luật liên quan, thực hiện thu hồi, hủy bỏ hoặc tham mưu trình UBND tỉnh thu hồi, hủy bỏ các giấy phép, hồ sơ pháp lý đã cấp cho dự án đầu tư.

10. UBND cấp huyện:

a) Cử thành viên tham gia Tổ công tác theo quy chế này;

b) Đề xuất danh mục các dự án cần kiểm tra trên địa bàn gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp theo quy chế này;

c) Phối hợp với Tổ công tác và các cơ quan liên quan kiểm tra, xử lý sau kiểm tra các dự án;

d) Thực hiện gia hạn sử dụng đất đối với các trường hợp được gia hạn sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai và quy chế này;

đ) Giao Chi cục thuế xác định, thông báo cho nhà đầu tư (là hộ gia đình, cá nhân) nộp khoản tiền bổ sung theo quy chế này và quy định của pháp luật;

e) Trong quá trình thanh tra, kiểm tra, nếu phát hiện nhà đầu tư đã được Nhà nước giao đất, cho thuê đất nhưng không đưa đất vào sử dụng hoặc chậm tiến độ sử dụng đất thì có văn bản đề nghị UBND tỉnh giao Cục Thuế tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường để xác định, thông báo cho nhà đầu tư nộp khoản tiền bổ sung vào ngân sách Nhà nước theo quy định.

Điều 18. Trách nhiệm của nhà đầu tư, chủ đầu tư

1. Thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đầu tư, đất đai, xây dựng, môi trường, quản lý thuế, quy chế này và các quy định của pháp luật liên quan.

2. Phối hợp chặt chẽ với Tổ công tác, các cơ quan chức năng có liên quan thực hiện nghiêm túc quy chế này.

3. Nộp bổ sung khoản tiền trong thời gian được gia hạn sử dụng đất (nếu được gia hạn sử dụng đất) hoặc trong thời gian không sử dụng đất hoặc chậm tiến độ sử dụng đất (nếu không được gia hạn sử dụng đất) theo thông báo của cơ quan thuế vào ngân sách Nhà nước theo quy định.

Điều 19. Điều khoản thi hành

1. Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện quy chế này và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, phát sinh, đề nghị cơ quan, đơn vị có ý kiến bằng văn bản gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo, tham mưu trình UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh bổ sung cho phù hợp./. //

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Đương Văn Thái

Mẫu M1

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐỀ NGHỊ KIỂM TRA

(Kèm theo Quyết định số 04 /2020/QĐ-UBND ngày 06 tháng 3 năm 2020 của UBND tỉnh Bắc Giang

| TT | Tên dự án | Tên nhà đầu tư/chủ đầu tư | Địa điểm thực hiện dự án | Chấp thuận đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/hoặc văn bản tương đương khác | | Tình hình giao đất, thuê đất ^(*) | | Lý do đề nghị kiểm tra |
|----|-----------|---------------------------|--------------------------|---|----------|---|----------------------------------|------------------------|
| | | | | Số | Ngày cấp | Đã được giao đất, cho thuê đất hoặc cho thuê đất một phần | Chưa được giao đất, cho thuê đất | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 |
| 1 | | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | | |
| 3 | | | | | | | | |

() Đánh dấu (X) và ô tương ứng*

Mẫu M1**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐỀ NGHỊ KIỂM TRA**

(Kèm theo Quyết định số 04 /2020/QĐ-UBND ngày 06 tháng 3 năm 2020 của UBND tỉnh Bắc Giang)

| TT | Tên dự án | Tên nhà đầu tư/chủ đầu tư | Địa điểm thực hiện dự án | Chấp thuận đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/hoặc văn bản tương đương khác | | Tình hình giao đất, thuê đất ^(*) | | Lý do đề nghị kiểm tra |
|----|-----------|---------------------------|--------------------------|---|----------|---|----------------------------------|------------------------|
| | | | | Số | Ngày cấp | Đã được giao đất, cho thuê đất hoặc cho thuê đất một phần | Chưa được giao đất, cho thuê đất | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 |
| 1 | | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | | |
| 3 | | | | | | | | |

(*) Đánh dấu (X) và ô tương ứng